

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2023/HS-ST

Ngày: 23-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính- Cán bộ hưu trí

2. Bà Lê Thị Khanh- Nguyên Hiệu Trưởng trường Trung Mỹ Tây, Hóc Môn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 270/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hứa Minh N. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 19 tháng 5 năm 2004. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú và nơi ở: 2/2 ấp XTĐ1, xã XTĐ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Hứa Minh T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thu T, Sinh năm 1979. Vợ con: chưa có. Anh chị em ruột có 01 em trai sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/9/2022, đến ngày 09/12/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”

2. Họ và tên: Đào Thành P. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 04 tháng 3 năm 2003. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 43/4 ấp A, xã XTS, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở: 2/68b ấp TL, xã TTN, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Đào Công B, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1972. Vợ con: chưa có. Anh chị em ruột có 03 người.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”

3. Họ và tên: Đỗ Minh Q. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 27 tháng 11 năm 2003. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 61/14B ấp DT1, xã TTN,

huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Trần Trí D, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị Thanh G, sinh năm 1971. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”

4. Họ và tên: Huỳnh Anh T. Giới tính: nam. Tên gọi khác: T Bò. Sinh ngày 09 tháng 11 năm 2003. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 240 BM, tổ B, ấp C, xã BM, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở: 74/1A Tổ 69A ấp NT, xã TTN, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Huỳnh Phi C và bà Trương Thị Ngọc C. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”

5. Họ và tên: Lê Nguyễn Nhật H. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 10 tháng 12 năm 2002. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 24/5A tổ 49, ấp TN1, xã TTN, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở: nhà không số, ấp TT3, xã TH, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Lê Văn H, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Vợ con: chưa có

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”

6. Họ và tên: Lê Trung K. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 07 tháng 3 năm 2004. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 1/223 ấp NT1, xã TTN, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở: 16/3 tổ E, ấp TT1, xã TH, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Phương T. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến ngày 05/10/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bắt tạm giam” cho đến nay do phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Bản án số 82/2023/HS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt bị cáo Lê Trung K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2022.

7. Họ và tên: Đỗ Anh K1. Giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 21 tháng 6 năm 2004. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 50/2X Tổ F ấp TĐ, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1968 và bà Lâm Thị M, sinh năm 1981. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/9/2022 cho đến nay.

8. Họ và tên: Âu Trường V. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 20 tháng 6 năm 2004. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 24/17A TBT, phường G, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở: 74/5X tổ H, ấp TĐ2, xã TTT,

huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Âu Trường G, sinh năm 1976 và bà Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1982. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Thay đổi biện pháp ngăn chặn, bị bắt tạm giam ngày 01/5/2023 do phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

9. Họ và tên: Lê Nguyễn Công T1. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 03 tháng 11 năm 2004. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 64/5 tổ I ấp C1, xã TX, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở: như trên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: công nhân. Con ông Lê Công T và bà Nguyễn Hồng N. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”.

10. Họ và tên: Nguyễn Anh K2. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 12 tháng 02 năm 2004. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 86/2D Tổ K khu phố L, thị trấn HM, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 và bà Văn Thị Kim K, sinh năm 1973. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”.

11. Họ và tên: Nguyễn Lê Gia B. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 08 tháng 02 năm 2006. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 2/69C ấp NT, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Sửa xe máy. Con ông Nguyễn Văn Anh S, sinh năm 1973 và bà Lê Thị P, sinh năm 1971.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”.

12. Họ và tên: Nguyễn Phi L. Giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 69/2M ấp C1, xã TX, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973. Vợ con: chưa có

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”.

13. Họ và tên: Nguyễn Tuấn K3. Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 13 tháng 8 năm 2004. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 30/11G ấp TĐ2, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Nguyễn Trần V, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1983. Vợ con: chưa có

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Ngày 26/10/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam theo quyết định truy nã, do bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

14. Họ và tên: Phạm Gia B1. Giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 05 tháng 9 năm 2004. Tại: Khánh Hòa. Nơi thường trú: NB, phường CN, Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Nơi ở: 79/3A ấp TĐ, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Phạm Văn L và bà Phan Thị Lệ P. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”.

15. Họ và tên: Phan Mai Thanh T2. Giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 08 tháng 12 năm 2004. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 40/8A ấp TĐ2, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Phan Thanh T, sinh năm 1978 và bà Mai Ngọc T, sinh năm 1984. Vợ con: chưa có

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Các bị cáo có mặt tại Tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Lệ P, sinh năm 1974. Địa chỉ : 79/3A ấp TĐ, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Chị Đào Ngọc Huyền N, sinh năm 1994. Địa chỉ : 43/4 ấp A, xã XTS, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Gia B1: Bà Phan Thị Lệ P, sinh năm 1974. Địa chỉ : 79/3A ấp TĐ, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Anh K1: Bà Lâm Thị M. Địa chỉ: 50/2X Tổ F ấp TĐ, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Mai Thanh T2: Bà Mai Ngọc T. Địa chỉ: 40/8A ấp TĐ2, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tuấn K3: Bà Nguyễn Thị V. Địa chỉ : 30/11G ấp TĐ2, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phi L: Bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ : 69/2M ấp C1, xã TX, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Lê Gia B: Bà Lê Thị P. Địa chỉ : 2/69C ấp NT, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Âu Trường V: Bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ : 74/5X tổ 129, ấp TĐ2, xã TTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Nguyễn Công T1: Bà Trà Ngọc H (bà nội của bị cáo). Địa chỉ : 64/5 tổ I ấp C1, xã TX, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Gia B1: Bà Trần Thị Ngọc D là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 470 NTP, Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Anh K1, bị cáo Phan Mai Thanh T2:* Ông Đoàn Trọng N là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 470 NTP, Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn K3, bị cáo Nguyễn Phi L:* Ông Vũ Anh T là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 470 NTP, Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Gia B, bị cáo Âu Trường V, bị cáo Lê Nguyễn Công T1:* Ông Huỳnh Khắc T là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 470 NTP, Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho các bị cáo có mặt tại Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Lâm Ngọc P1 và Đỗ Anh K1 có mâu thuẫn với nhau nên K1 hện P1 ra đánh nhau nhưng P1 sợ nên kể lại sự việc cho Hứa Minh N nghe. Sau đó N chủ động nhắn cho K1 để hòa giải nhưng K1 không đồng ý và thách thức đánh nhau với N. Hai bên hện gặp nhau để đánh nhau tại khu vực Đồng Bà Canh thuộc xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn. Hai bên rủ rê thêm người và chuẩn bị hung khí. Cụ thể:

Nhóm bên N do N rủ gồm: Lê Nguyễn Nhật H, Lê Trung K, Đào Thành P, Đỗ Minh Q và Huỳnh Anh T. Cả nhóm chuẩn bị 02 cây chĩa và 04 con dao tự chế. K điều khiển xe máy hiệu Honda Vario, biển số 50Y1-508.79 chở N cầm 02 con dao, P điều khiển xe máy hiệu Yamaha Excirte, biển số 50Y1-675.54 chở Q cầm theo 01 cây chĩa và 01 con dao, T điều khiển xe máy hiệu Yamaha Excirte, biển số 50Y3-275.92 chở H cầm theo 01 cây chĩa và 01 con dao.

Nhóm bên Đỗ Anh K1 do Kiệt rủ gồm: Nguyễn Tuấn K3, Âu Trường V, Nguyễn Phi L, Nguyễn Anh K2, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Lê Gia B, Phan Mai Thanh T2, Trần Hoàng Đại H1 cùng một số đối tượng khác không rõ lai lịch. Cả nhóm tụ tập trước tại giao lộ XTS38-XTS22, chuẩn bị 02 cây chĩa, 03 cây dao tự chế. K2 điều khiển xe máy hiệu Yamaha Excirte, biển số 50Y1-737.31 chở Đỗ Anh K1 cầm 01 cây chĩa đi đầu dẫn đường, T2 điều khiển xe máy hiệu Honda SH, biển số 59Y1-658.75 chở Tuấn K3 cầm 01 cây chĩa, Phạm Gia B1 điều khiển xe máy hiệu Yamaha Excirte, biển số 59D3-113.99 chở Thật nhật 02 cục gạch bên đường, Nguyễn Lê Gia B điều khiển xe máy hiệu Yamaha Excirte, biển số 59T2-039.67 chở 01 người trong nhóm không rõ lai lịch và lượm 01 cục gạch bên đường làm hung khí, Lâm điều khiển xe máy hiệu Honda Wave (không rõ biển số) chở Huy (không rõ lai lịch) cầm 01 con dao tự chế, Vũ ngồi sau xe do 01 thanh niên không rõ lai lịch chở, không sử dụng hung khí cùng với một số người đi đến Đồng Bà Canh. Riêng H1 bỏ về không tham gia đi cùng nhóm.

Đến khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, hai nhóm gặp mặt nhau thì Hứa Minh N và Đỗ Anh K1 xông vào đánh nhau bằng tay không, còn H, K, P, Q, T cầm hung khí và đá rượt đuổi ném về nhóm K1 làm nhóm K1 bỏ chạy, rút lại 03 cây dao tự chế nên nhóm của N nhất được đem về bãi đất nghĩa địa trên đường TTN 33 thì bị lực lượng Công an xã Tân Thới Nhì trên đường tuần tra phát hiện bắt giữ được T cùng tang vật là 09 hung khí, riêng những người còn lại bỏ chạy thoát. Hai bên không có ai bị thương tích gì.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra đã làm việc được với Hứa Minh N, Lê Nguyễn Nhật H, Lê Trung K, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, Đỗ Anh K1, Nguyễn Tuấn K3, Âu Trường V, Nguyễn Phi L, Nguyễn Anh K2, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Lê Gia B và Phan Mai Thanh T2. Tất cả đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Chính quyền xã Xuân Thới Sơn có văn bản báo cáo vụ việc này đã làm cho người tham gia lưu thông trên đường cảm thấy lo sợ, gây ra hoang mang lo lắng cho người dân sinh sống tại khu vực hiện trường, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Tang vật thu giữ:

- 02 cây chĩa và 07 cây dao tự chế.

- Thu giữ của Huỳnh Anh T: 01 áo khoác dài tay màu đen, 01 quần jean lưng màu đen là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng dùng vào việc phạm tội; Xe máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số 59Y3-275.92, số khung: MH3UG0710JK266761, số máy: G3E6E-0412558, là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Qua xác minh xe do Nguyễn Phúc H2 đứng tên chủ sở hữu đã bán lại cho T bằng hợp đồng mua bán có công chứng.

- Thu giữ của Lê Trung K: 01 áo thun màu đen có dòng chữ Balmain màu trắng, 01 quần Jean lưng màu xanh là trang phục K mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; Xe máy hiệu Honda Vario 150 màu đen, biển số 50Y1-508.79, số khung MH1KF4112KK666901, số máy: KF41E-1667485, là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Qua xác minh xe do Đỗ Thành Đ đứng tên chủ sở hữu đã bán lại cho K bằng hợp đồng mua bán có công chứng.

- Thu giữ của Đào Thành P: 01 áo thun màu đen, 01 quần Jean lưng màu xanh là trang phục P mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám, dùng vào việc phạm tội; Xe máy hiệu Yamaha Exciter 135, biển số 50Y1-675.54, số khung RLCE1S9407Y016210, số máy: 1S94-016210, là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Qua xác minh xe do Đào Ngọc Huyền N (chị của P) đứng tên chủ sở hữu, do P chưa đủ 18 tuổi nên P nhờ chị ruột đứng tên hợp đồng mua xe trả góp và đăng ký chủ xe.

- Thu giữ của Nguyễn Anh K2: Xe máy hiệu Yamaha Exciter 150, biển số 50Y1-731.73, số khung RLCE55P10DY329646, số máy: 55P1329653, do Khoa đứng tên chủ sở hữu, là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Thu giữ của Phạm Gia B1: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh, dùng vào việc phạm tội; Xe máy hiệu Yamaha Exciter 135, biển số 59D3-113.99, số khung RLCE1S9407Y012345, số máy: 1S94-012345. Qua xác minh xe do mẹ của B1 là bà Phan Thị Lệ P mua của cửa hàng xe máy PT có làm hợp đồng mua bán có công chứng, không biết việc B1 sử dụng phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Thu giữ 05 điện thoại của các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cụ thể: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng của Hứa Minh N, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro màu xám của Lê Nguyễn Nhật H, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh của Đỗ Anh K1, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen của Phan Mai Thanh T2 và 01 điện thoại di động hiệu ACE màu đen của Âu Trường V.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS - HM ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo: Hứa Minh N, Lê Nguyễn Nhật H, Lê Trung K, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh

T, Đỗ Anh K1, Nguyễn Tuấn K3, Âu Trường V, Nguyễn Phi L, Nguyễn Anh K2, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Lê Gia B và Phan Mai Thanh T2 về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, thực hành quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hứa Minh N, Lê Nguyễn Nhật H, Lê Trung K, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, Đỗ Anh K1, Nguyễn Tuấn K3, Âu Trường V, Nguyễn Phi L, Nguyễn Anh K2, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Lê Gia B và Phan Mai Thanh T2 về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội các bị cáo tuổi còn nhỏ, chưa nhận thức pháp luật, sự việc xảy ra chưa gây hậu quả được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi phạm tội các bị cáo Đỗ Anh K1, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Tuấn K3, Nguyễn Phi L, Nguyễn Lê Gia B, Phạm Gia B1, Phan Mai Thanh T2, Âu Trường V chưa đủ 18 tuổi, áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đỗ Anh K1 xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội là các bị cáo Âu Trường V, Lê Nguyễn Công T1, Phạm Gia B1, Nguyễn Phi L, Nguyễn Tuấn K3, Nguyễn Lê Gia B và Phan Mai Thanh T2, khi các bị cáo này phạm tội chưa đủ 18 tuổi; các bị cáo còn lại đã thành niên nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm như nhau; Nên, bị cáo Đỗ Anh K1 phải chịu tình tiết tăng nặng là điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lê Trung K bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt 01 năm 06 tháng tù (Bản án số 82/2023/HSST ngày 25/4/2023); Bị cáo Âu Trường V vào ngày 01/5/2023, bị Công an xã Xuân Thới Sơn bắt về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, hiện vụ án thuộc thẩm quyền điều tra cấp thành phố. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo như sau:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Hứa Minh N** từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Đỗ Anh K1** (17 tuổi 11 tháng 03 ngày) từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Đào Thành P** từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 đến 05 năm.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Đỗ Minh Q** từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 đến 05 năm.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật đề nghị xử phạt bị cáo **Huỳnh Anh T** từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 đến 05 năm.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Nguyễn Nhật H** từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 đến 05 năm.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Trung K** 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm

06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với bản án số 82/2023/HSST ngày 25/4/2023 là 01 năm 06 tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Âu Trường V** (17 tuổi 11 tháng 04 ngày) từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Nguyễn Công T1** (17 tuổi 6 tháng 21 ngày) từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 đến 04 năm.

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh K2** từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê Gia B** (16 tuổi 3 tháng 16 ngày) từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 đến 04 năm.

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Phi L** (16 tuổi 6 tháng 24 ngày) từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 - 04 năm.

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn K3** (17 tuổi 9 tháng 11 ngày) từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Phạm Gia B1** (17 tuổi 8 tháng 19 ngày) từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 đến 04 năm.

15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Phan Mai Thanh T2** (17 tuổi 5 tháng 16 ngày) từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 đến 04 năm.

* Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- 02 cây chia và 07 cây dao tự chế; 01 áo khoác dài tay màu đen, 01 quần jean lửng màu đen; 01 áo thun màu đen có dòng chữ Balmain màu trắng, 01 quần jean lửng màu xanh; 01 áo thun màu đen, 01 quần jean lửng màu xanh; đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng; xe máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số 59Y3-275.92, số khung: MH3UG0710JK266761, số máy: G3E6E-0412558; xe máy hiệu Honda Vario 150 màu đen, biển số 50Y1-508.79, số khung MH1KF4112KK666901, số máy: KF41E-1667485; 01 điện thoại di động hiệu I phone 6 màu xám; xe máy hiệu Yamaha Exciter 135, biển số 50Y1-675.54, số khung RLCE1S9407Y016210, số máy: 1S94-016210; xe máy hiệu Yamaha Exciter 150, biển số 50Y1-731.73, số khung RLCE55P10DY329646, số máy: 55P1329653; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro màu xám ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung

màu xanh ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu ACE màu đen: đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

-Xe máy hiệu Yamaha Exciter 135, biển số 59D3-113.99, số khung RLCE1S9407Y012345, số máy: 1S94-012345: đề nghị trả xe lại cho mẹ ruột của bị cáo Phạm Gia B1 là bà Phan Thị Lệ P.

Tại phiên tòa; Người bào chữa cho các bị cáo như sau:

- Luật sư Trần Thị Ngọc D bào chữa cho bị cáo Phạm Gia B1: Thống nhất với tội danh mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố bị cáo, bị cáo Bảo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về hoàn cảnh, nhân thân, bị cáo mồ côi cha từ lúc 08 tuổi, thiếu tình thương của cha, nhận thức pháp luật hạn chế, có tính bốc đồng của tuổi mới lớn, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TAND Tối cao cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, tạo điều kiện cho bị cáo hòa nhập xã hội thành công dân tốt.

- Luật sư Đoàn Trọng N bào chữa cho bị cáo Đỗ Anh K1, Phan Mai Thanh T2: Thống nhất với tội danh mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố hai bị cáo, bị cáo K1 và bị cáo T2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về hoàn cảnh, nhân thân của hai bị cáo đều có nhân thân tốt, tuổi đời còn trẻ, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nhận thức pháp luật hạn chế, có tính bốc đồng của tuổi mới lớn, bị cáo T2 nghe bạn bè rủ thì đi và cũng bỏ về không thực hiện hành vi gì khác, hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, áp dụng Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TAND Tối cao cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, tạo điều kiện cho bị cáo hòa nhập xã hội thành công dân tốt.

- Luật sư Huỳnh Khắc T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Gia B, Âu Trường V, Lê Nguyễn Công T1: Thống nhất với tội danh mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về hoàn cảnh, nhân thân, nhận thức pháp luật hạn chế, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, áp dụng Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TAND Tối cao cho bị cáo T1 và bị cáo Nguyễn Lê Gia B được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, tạo điều kiện cho bị cáo hòa nhập xã hội thành công dân tốt. Bị cáo Âu Trường V do phạm tội trong thời gian được tại ngoại nên xem xét cho bị cáo mức án nhẹ cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

- Luật sư Vũ Anh T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn K3, Nguyễn Phi L: Thống nhất với tội danh mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về hoàn cảnh, nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt, là lao động nghèo, tuổi con trẻ nên có suy nghĩ nông cạn, nhận thức về pháp luật chưa tới, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Với bị cáo Nguyễn Tuấn K3 do không hiểu biết pháp luật, nghe lời bạn bè rủ rê nên bị cáo có vi phạm về Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng bị cáo còn nhỏ tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo K3 được hưởng án treo ấn định thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, áp dụng Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TAND Tối cao cho các bị cáo

hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, tạo điều kiện cho bị cáo hòa nhập xã hội thành công dân tốt.

Các bị cáo không tranh luận; các bị cáo trình bày lời nói sau cùng là các bị cáo hối hận về hành vi của các bị cáo, nhận thức pháp luật chưa tới, suy nghĩ nông cạn, bốc đồng của tuổi mới lớn, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án nhẹ, tạo điều kiện cho các bị cáo hòa nhập xã hội, thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời trình bày của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do có mâu thuẫn với Lâm Ngọc P1 nên Đỗ Anh K1 hẹn P1 gặp để đánh nhau. P1 kể lại cho Hứa Minh N nghe. Sau đó N nhắn cho Đỗ Anh K1 để giảng hòa nhưng K1 không đồng ý và thách thức đánh nhau với N. Đỗ Anh K1 rủ Nguyễn Tuấn K3, Âu Trường V, Nguyễn Phi L, Nguyễn Anh K2, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Lê Gia B, Phan Mai Thanh T2, Trần Hoàng Đại H1 và chuẩn bị hung khí là 02 cây chia, ba cây dao tự chế. Bên Hứa Minh N rủ Lê Nguyễn Nhật H, Lê Trung K, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, hai bên cùng hẹn nhau đến Đồng Bà Canh khu vực thuộc xã Xuân Thới Sơn chuẩn bị 02 cây chia và 04 con dao tự chế, để cùng giải quyết mâu thuẫn. Do phát hiện giữa bị cáo K và Âu Trường V là bạn bè với nhau nên khi hai nhóm của N và Đỗ Anh K1 gặp nhau thì bị cáo K và V có hòa giải và yêu cầu đi về không đánh nhau, nhưng giữa N và K1 khi gặp nhau, cả hai bỏ hung khí cùng đánh nhau bằng tay và nhóm của N đuổi đánh nhóm của K1, nhóm K1 bỏ chạy. Hai bên dừng lại, không đánh nhau nữa và bỏ về. Sự việc được chính quyền địa phương phát hiện thông báo và sau đó các bị cáo đã được Cơ quan cảnh sát điều tra mời làm việc, sự việc xảy ra gây náo nhiệt cho những người dân sinh sống trên địa bàn và gây hoang mang cho những người tham gia giao thông, gây lo lắng, bức xúc trong dư luận xã hội. Các bị cáo đã chuẩn bị và sử dụng hung khí gây rối trật tự công cộng.

[3] Nội dung khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở chứng minh hành vi của các bị cáo Hứa Minh N, Lê Nguyễn Nhật H, Lê Trung K, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, Đỗ Anh K1, Nguyễn Tuấn K3, Âu Trường V, Nguyễn Phi L, Nguyễn Anh K2, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Lê Gia B và Phan Mai Thanh T2 phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, cáo trạng số 21/CT-VKS-HM ngày 28/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Điều 318 Bộ luật hình sự quy định

“1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;

.....”

[6] Áp dụng điều luật viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, làm mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc truy tố và đưa ra xét xử đối với các bị cáo là cần thiết, cần xem xét đến hành vi cụ thể của từng bị cáo có mức án tương xứng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và răn đe các đối tượng khác.

[7] Đối với Hứa Minh N, Đỗ Anh K1 là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác vào con đường phạm tội, nên phải chịu trách nhiệm chính. Các bị cáo Lê Nguyễn Nhật H, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, Nguyễn Anh K2, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Phi L, Phạm Gia B1, Nguyễn Lê Gia B, Phan Mai Thanh T2, Âu Trường V, Nguyễn Tuấn K3, Lê Trung K bị rủ rê, lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội; Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, xem xét tính chất, mức độ, hành vi của từng bị cáo để Quyết định hình phạt tương xứng như sau:

* Tình tiết giảm nhẹ:

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa gây thiệt hại và sau khi hai bên đối đầu đánh nhau gây mất trật tự địa phương nhưng các bên tự dừng lại. Các bị cáo khi phạm tội đều là tuổi chưa thành niên, có bị cáo đã thành niên thì tuổi đời chưa đến 20 tuổi tại thời điểm phạm tội, nên suy nghĩ nông cạn, bốc đồng của tuổi mới lớn. Các bị cáo đều thuộc thành phần gia đình lao động nghèo, sự quan tâm của gia đình đối với các bị cáo chưa đầy đủ; Các bị cáo trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt; Nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Khi phạm tội các bị cáo Âu Trường V, Nguyễn Lê Gia B, Phạm Gia B1, Phan Mai Thanh T2, Nguyễn Tuấn K3, Lê Nguyễn Công T1, Đỗ Anh K1 chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo

* Tình tiết tăng nặng

Các bị cáo Hứa Minh N, Lê Nguyễn Nhật H, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, Nguyễn Anh K2, Phạm Gia B1, Nguyễn Lê Gia B, Phan Mai Thanh T2 không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo Đỗ Anh K1 xúi giục người chưa thành niên phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo Điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Trung K bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi”. Bản án số 82/2023/HS-ST ngày 25/4/2023. Cần tổng hợp bản án theo Điều 56 Bộ luật hình sự. Bị

cáo Âu Trường V phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và bị bắt vào ngày 01/5/2023, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo Nguyễn Tuấn K3 không chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bỏ trốn gây khó khăn cho việc xét xử. Nên các bị cáo này không được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Đỗ Anh K1, tuy bị cáo là người rủ rê lôi kéo các bị cáo khác phạm tội, nhưng bản thân bị cáo cũng là người chưa đủ 18 tuổi, nhận thức chưa tới, bốc đồng, nên Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo mức án tương xứng là phù hợp.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đánh giá toàn diện nội dung vụ án; hiện tại các bị cáo cũng đã có việc làm ổn định, bị cáo Nguyễn Phi L đã được gia đình cho đi học lại. Nên, Hội đồng xét xử thấy; không cần thiết cách ly các bị cáo Hứa Minh N, Lê Nguyễn Nhật H, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, Nguyễn Anh K2, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Phi L, Phạm Gia B1, Nguyễn Lê Gia B, Phan Mai Thanh T2 ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo về địa phương nơi cư trú, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, tạo điều kiện cho các bị cáo hòa nhập xã hội, biết chấp hành pháp luật, thành công dân tốt cũng đủ rắn đê, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Ý kiến đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với ý kiến của những Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất về tội danh, điều luật truy tố các bị cáo, các bị cáo phạm tội khi tuổi còn nhỏ, suy nghĩ nông cạn, thiếu sự quan tâm của gia đình, cho các bị cáo hưởng án treo. Riêng lời bào chữa của ông Vũ Anh T, Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn K3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo K3 những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận, vì bị cáo K3 đã vi phạm bỏ trốn khỏi địa phương, không chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời gian được tại ngoại.

[9] Đối với Lâm Ngọc P1 và Trần Hoàng Đại H1 không tham gia vào việc gây rối trật tự công cộng, nên không có cơ sở chịu trách nhiệm hình sự.

10] Về Xử lý vật chứng:

* Đối với 02 cây chia và 07 cây dao tự chế; 01 áo khoác dài tay màu đen, 01 quần jean lưng màu đen; 01 áo thun màu đen có dòng chữ Balmain màu trắng, 01 quần jean lưng màu xanh; 01 áo thun màu đen, 01 quần jean lưng màu xanh của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với xe máy các bị cáo dùng vào việc phạm tội đều là tài sản cá nhân của bị cáo, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số 59Y3-275.92, số khung: MH3UG0710JK266761, số máy: G3E6E-0412558 là xe của bị cáo Huỳnh Anh T mua lại của Nguyễn Phúc H2 bằng hợp đồng mua bán có công chứng.

- 01 (một) xe máy hiệu Honda Vario 150 màu đen, biển số 50Y1-508.79, số khung MH1KF4112KK666901, số máy: KF41E-1667485 là xe của bị cáo Lê Trung K mua lại của Đỗ Thành Đ bằng hợp đồng mua bán có công chứng.

- (một) xe máy hiệu Yamaha Exciter 135, biển số 50Y1-675.54, số khung RLCE1S9407Y016210, số máy: 1S94-016210; là xe của bị cáo Đào Thành P mua nhưng do bị cáo chưa đủ tuổi nên nhờ chị ruột là Đào Ngọc Huyền N (chị của P) đứng tên mua, xét đây là tài sản của cá nhân bị cáo, phù hợp với lời trình bày của bị cáo.

- 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Exciter 150, biển số 50Y1-737.31, số khung RLCE55P10DY329646, số máy: 55P1329653 của bị cáo Nguyễn Anh K2.

* Đối với 01 (một) Xe máy hiệu Yamaha Exciter 135, biển số 59D3-113.99, số khung RLCE1S9407Y012345, số máy: 1S94-012345 của mẹ ruột bị cáo Phạm Gia B1 là bà Phan Thị Lệ P, bà P không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần trả lại cho bà P là phù hợp.

* Đối với điện thoại di động của các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh của Phạm Gia B1;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng của Hứa Minh N;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro màu xám của Lê Nguyễn Nhật H;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh của Đỗ Anh K1;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen của Phan Mai Thanh T2

- 01 điện thoại di động hiệu ACE màu đen của Âu Trường V;

- 01 điện thoại di động hiệu I phone 6 màu xám của bị cáo Đào Thành P dùng vào;

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hứa Minh N, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, Lê Nguyễn Nhật H, Nguyễn Anh K2

- Căn cứ Điều 38; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 90; 91; khoản 1 Điều 101; điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Anh K1.

- Căn cứ Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90; 91; khoản 1 Điều 101; điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Lê Gia B, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Công T1, Phan Mai Thanh T2, Nguyễn Phi L.

- Căn cứ Điều 38; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 56; điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Trung K.

- Căn cứ Điều 38; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90; 91; khoản 1 Điều 101; điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Âu Trường V, Nguyễn Tuấn K3.

- Căn cứ Điều 47; 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự về xử lý vật chứng. Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: bị cáo Hứa Minh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Xử phạt: bị cáo Đỗ Minh Q 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Xử phạt: bị cáo Huỳnh Anh T 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Xử phạt: bị cáo Đào Thành P 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Xử phạt: bị cáo Lê Nguyễn Nhật H 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Anh K2 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Xử phạt: bị cáo Đỗ Anh K1 01 (một) năm 02 (hai) tháng 17 (mười bảy) ngày tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo đã chấp hành xong, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đỗ Anh K1, nếu bị cáo không phạm tội khác.

8. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Lê Gia B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

9. Xử phạt: bị cáo Phạm Gia B1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

10. Xử phạt: bị cáo Lê Nguyễn Công T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

11. Xử phạt: bị cáo Phan Mai Thanh T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

12. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Phi L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án Hình sự.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định)

13. Xử phạt: bị cáo Lê Trung K 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp bản án Bản án số 82/2023/HS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã xử phạt bị cáo Lê Trung K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo Lê Trung K phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2022.

14. Xử phạt: bị cáo Âu Trường V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/5/2023.

15. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tuấn K3 01 (một) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2023.

Xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy: 01 cây chia tự chế có cán dài khoảng 160cm có 03 đầu nhọn dài khoảng 25cm; 01 cây chia tự chế có cán dài khoảng 100cm có 03 đầu nhọn dài khoảng 30cm và 01 cây dao tự chế có cán kim loại tròn dài khoảng 150cm có lưỡi dao dài khoảng 25cm; 01 cây dao tự chế có cán kim loại tròn dài khoảng 130cm có lưỡi dao dài khoảng 30cm; 01 cây dao tự chế dài khoảng 60cm (cán kim loại tròn dài 15cm, lưỡi dao dài 45cm), 01 cây dao tự chế dài khoảng 80cm (cán kim loại tròn dài 20cm, lưỡi dao dài 60cm) và 03 cây dao tự chế dài khoảng 90cm (cán gỗ dài 40cm, lưỡi dao dài 50cm); 01 áo khoác dài tay màu đen, 01 quần jean lửng màu đen; 01 áo thun màu đen có dòng chữ Balmain màu trắng, 01 quần jean lửng màu xanh; 01 áo thun màu đen, 01 quần jean lửng màu xanh.

* Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số 59Y3-275.92, số khung: MH3UG0710JK266761, số máy: G3E6E-0412558 là xe của bị cáo Huỳnh Anh T mua lại của Nguyễn Phúc H2 bằng hợp đồng mua bán có công chứng.

- 01 (một) xe máy hiệu Honda Vario 150 màu đen, biển số 50Y1-508.79, số khung MH1KF4112KK666901, số máy: KF41E-1667485 là xe của bị cáo Lê Trung K mua lại của Đỗ Thành Đ bằng hợp đồng mua bán có công chứng.

- (một) xe máy hiệu Yamaha Exciter 135, biển số 50Y1-675.54, số khung RLCE1S9407Y016210, số máy: 1S94-016210; là xe của bị cáo Đào Thành P mua nhưng do bị cáo chưa đủ tuổi nên nhờ chị ruột là Đào Ngọc Huyền N (chị của P) đứng tên dùm.

- 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Exciter 150, biển số 50Y1-737.31, số khung RLCE55P10DY329646, số máy: 55P1329653 của bị cáo Nguyễn Anh K2.

* Trả lại cho bà Phan Thị Lê P 01 (một) Xe máy hiệu Yamaha Exciter 135, biển số 59D3-113.99, số khung RLCE1S9407Y012345, số máy: 1S94-012345.

* Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, cụ thể: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro màu xám; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu ACE màu đen; 01 điện thoại di động hiệu I phone 6 màu xám.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn theo Quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKS-HS ngày 26/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn; Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/12/2022) (bút lục 695).

Về án phí: Các bị cáo Hứa Minh N, Lê Nguyễn Nhật H, Đào Thành P, Đỗ Minh Q, Huỳnh Anh T, Nguyễn Anh K2, Lê Nguyễn Công T1, Nguyễn Phi L, Phạm Gia B1, Nguyễn Lê Gia B, Phan Mai Thanh T2, Lê Trung K, Âu Trường V, Nguyễn Tuấn K3, Đỗ Anh K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TATpHCM;
- VKSND H HM;
- VKSND TpHCM;
- CQĐT CA H Hóc Môn;
- Chi cục THA DS H Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ CA HM;
- Thi hành án phạt tù;
- Bị cáo;
- Hồ sơ; Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga

